

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Ông Nguyễn Đăng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 127, ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông LQS, sinh năm 1983; quốc tịch: Trung Quốc; địa chỉ thường trú: Số 5-10, tổ L, thôn B, thị trấn X, huyện H, tỉnh HuNan, Trung Quốc; địa chỉ tạm trú: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc G và ông LQS kết hôn và chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01 ngày 29/9/2006. Hôn nhân giữa bà G và ông LQS là tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn, hai vợ chồng

sống hạnh phúc và có 02 con chung. Thời gian gần đây, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông LQS có tình cảm với người khác và thường xuyên đánh đập bà G khiến cho cuộc sống vợ chồng không còn hòa thuận, hạnh phúc. Bà G nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ vợ chồng không thể kéo dài nên bà G yêu cầu ly hôn với ông LQS.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là LYH, sinh ngày 09/11/2006 và LYX, sinh ngày 17/09/2011. Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà G yêu cầu được nuôi con chung tên LYX và giao con LYH cho ông LQS nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ngày 15/8/2022, bà G có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông LQS cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng cho ông LQS theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông LQS không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo Biên bản xác minh ngày 10/8/2022 tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương thể hiện: Ông LQS và bà Nguyễn Thị Trúc G không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường K mà ông LQS chỉ làm việc, sinh sống tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại H trên địa bàn khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy giữa ông, bà có xảy ra mâu thuẫn như thế nào trong đời sống hôn nhân thì chính quyền địa phương không xác định được do các ông bà không yêu cầu địa phương giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Ông LQS được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, bà G có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Trúc G và ông LQS tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà G xác định vợ chồng không còn sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Ông LQS đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do vậy, bà G yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Bà G đang nuôi con, điều kiện chăm sóc tốt và các con có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn nên việc

bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ. Bà G không yêu cầu ông LQS cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của đương sự nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông LQS nhưng ông không đến Tòa làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, ông LQS được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; bà Nguyễn Thị Trúc G có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc G và ông LQS đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyền số 01 ngày 29/9/2006 là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Trúc G xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và ông LQS có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông LQS không đến Tòa án cho thấy ông không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà G kiên quyết xin ly hôn.

[4] Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông LQS đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà G yêu cầu ly hôn với ông LQS là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung gồm: Liu Yue Hua, sinh ngày 09/11/2006 và Liu Yu Xiong, sinh ngày 17/09/2011. Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà G yêu cầu được nuôi con chung tên LYX và giao con LYH cho ông LQS nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ngày 15/8/2022, bà G có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông LQS cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà G

trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định pháp luật về quyền của nguyên đơn. Xét thấy, hai con đang sống với mẹ được chăm sóc, học hành tốt và đảm bảo cuộc sống; đồng thời, hai cháu có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G không yêu cầu ông LQS cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc G với bị đơn ông LQS về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Trúc G được ly hôn với ông LQS.

- *Về con chung:* Giao 02 con chung là: LYH, sinh ngày 09/11/2006 và LYX, sinh ngày 17/09/2011 cho bà Nguyễn Thị Trúc G trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Trúc G và ông LQS đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông LQS không phải cấp dưỡng nuôi 02 con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc G phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006023 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga